

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2010/QĐ-UBND TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh Bảng giá đất ở tại đô thị (Bảng
6)
tại quận 4, quận 7, quận 8 và huyện Hóc
Môn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 102/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng Bảng giá đất thành phố tại Công văn số 405/BCĐXD-BGĐTP ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc điều chỉnh Bảng giá đất ở đô thị áp dụng năm 2010 tại quận 4, quận 7, quận 8, huyện Hóc Môn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh Bảng giá đất ở đô thị: Bảng 6 (tại điểm a khoản 1 Điều 4 Bản Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh) ban hành kèm theo Quyết định số 102/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố tại quận 4, quận 7, quận 8 và huyện Hóc Môn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Các nội dung khác không đề cập đến vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 102/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND. TP;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng CV, ĐTMT (5b), TTCB;
- Lưu: VT, (ĐTMT-C) D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 4

(Ban hành kèm Quyết định số: 03 /2010/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I/ ĐIỀU CHỈNH GIÁ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT THEO QĐ 102	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
			TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5	6
1	76	TÔN THẤT THUYẾT	TÔN ĐẢN	NGUYỄN KHOÁI	8.800

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 7

(Ban hành kèm Quyết định số: 03 /2010/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I/ ĐIỀU CHỈNH GIÁ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT THEO QĐ 102	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
			TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5	6
1	5	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CỤ XÁ TÂN QUY ĐÔNG			4.400
2	25	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CẢNG BẾN NGHÉ			4.000
3	58	HOÀNG QUỐC VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
4	64	MAI VĂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
5	66	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
6	69	PHẠM HỮU LẬU	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
7	70	PHAN HUY THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
8	72	TÂN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
9	73	TRẦN TRỌNG CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 8

*(Ban hành kèm Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I/ ĐIỀU CHỈNH GIÁ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT THEO QĐ 102	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
			TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5	6
1	1	AN DƯƠNG VƯƠNG	CÁNG PHÚ ĐỊNH	CẦU MỸ THUẬN	5.100
2	2	ÂU DƯƠNG LÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
3	3	BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
4	4	BẾN CÀNG GIUỘC	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
5	5	BẾN PHÚ ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
6	6	BẾN XÓM CÚI	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
7	7	BẾN Ụ CÂY	CẦU CHÁNH HƯNG	CẦU PHÁT TRIỂN	2.400
8	8	BÌNH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG (PHƯỜNG 11)	CẦU CHÀ VÀ	4.900
			CẦU CHÀ VÀ	CẦU SỐ 1	7.300
			CẦU SỐ 1	CẦU VĨNH MẬU	3.600
9	9	BÌNH ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
10	10	BÔNG SAO	PHẠM THẾ HIỀN	BÙI MINH TRỰC	3.500
			BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	3.600
11	11	BÙI HUY BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
12	12	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	5.600
			QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	5.300
13	13	CÂY SUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.500
14	14	CAO LỖ	PHẠM THẾ HIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	5.700
15	15	CAO XUÂN DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		7.300

16	16	CÁC ĐƯỜNG LỘ TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 9, 10	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
17	17	CÁC ĐƯỜNG SỐ CHÂN PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
18	18	CÁC ĐƯỜNG SỐ LỀ PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
19	19	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI BẢO THẠNH NIÊN PHƯỜNG 1	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		4.800
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		4.200
20	20	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 4	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		4.800
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		4.200
21	21	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 5	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		5.500
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		4.600
22	22	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 6	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		5.500
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		5.500
23	23	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 7	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		4.000
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		3.300
24	24	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG LỘ GIỚI \geq 12M		2.800
			ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		2.300
25	25	DẠ NAM	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
26	26	DÃ TƯ ỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
27	27	DƯƠNG BÁ TRẠC	PHẠM THỂ HIỀN	CẦU 290	6.800
			CẦU 290	CẦU SÔNG XÁNG	4.300
			TRƯỜNG RẠCH ÔNG	CẢNG PHƯỜNG 1	5.100
28	28	ĐẶNG CHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
29	29	ĐÀO CAM MỘC	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
30	30	ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
31	31	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		1.900

32	32	ĐINH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
33	33	ĐÔNG HỒ (ĐƯỜNG SỐ 11)	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
34	34	ĐƯỜNG 1011 PHẠM THỂ HIỂN	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
35	35	ĐƯỜNG 1107 PHẠM THỂ HIỂN (ĐỌC RẠCH HIỆP ÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
36	36	ĐƯỜNG 41 - PHÚ ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
37	37	ĐƯỜNG 44 - TRƯỞNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
38	38	ĐƯỜNG NỔI PHẠM THỂ HIỂN-BAT Ồ	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
39	39	ĐƯỜNG SỐ 111	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
40	40	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI			4.100
41	41	ĐƯỜNG VEN SÔNG XÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
42	42	HỒ HỌC LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
43	43	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
44	44	HƯNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
45	45	HOÀI THANH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
46	47	HOÀNG SĨ KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
47	48	HUỲNH THỊ PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
48	49	LÊ QUANG KIM	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
49	50	LÊ THÀNH PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
50	51	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
51	52	LƯƠNG VĂN CÁN	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
52	53	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
53	54	LƯU QUÝ KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
54	55	LÝ ĐẠO THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
55	56	MẶC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
56	57	MAI HẮC ĐỀ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800

57	58	MAI AM	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
58	59	MỄ CỐC	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
59	60	NGÔ SĨ LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
60	61	NGUYỄN CHẾ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
61	62	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
62	63	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
63	64	NGUYỄN NHƯ ỚC THỊ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
64	65	NGUYỄN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
65	66	NGUYỄN SĨ CỐ	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
66	67	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
67	68	NGUYỄN THỊ TÀN	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
68	69	NGUYỄN VĂN CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
69	70	NGUYỄN VĂN LINH	ĐOẠN QUẬN 8		8.400
70	71	PHẠM HÙNG (P4)	PHẠM THẾ HIỀN	CHÂN CẦU CHÁNH HƯNG	8.800
			CHÂN CẦU CHÁNH HƯNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	13.000
71	72	PHẠM HÙNG (P9)	BA ĐÌNH	HƯNG PHÚ	8.800
			HƯNG PHÚ	NGUYỄN DUY	9.900
72	73	PHẠM THẾ HIỀN	CÀU RẠCH ÔNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	8.400
			CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	6.200
			CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
73	74	PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
74	75	QUỐC LỘ 50	PHẠM THẾ HIỀN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	7.700
			CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	9.000
75	76	RẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
76	77	RẠCH CÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
77	79	TẠ QUANG BỬU	CẢNG PHƯỜNG 1	DƯƠNG BÁ TRẠC	6.800
			DƯƠNG BÁ TRẠC	ÂU DƯƠNG LÂN	6.800

			ÂU DƯƠNG LÂN	PHẠM HÙNG	6.800
			PHẠM HÙNG	BÔNG SAO	8.100
			BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	7.500
			QUỐC LỘ 50	RẠCH BÀ TÀNG	7.500
78	80	TRẦN NGUYỄN HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
79	81	TRẦN VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
80	82	TRỊNH QUANG NGHỊ	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
81	83	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
82	84	TÙNG THIÊN VƯƠNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG (2 BÊN HÔNG CẦU)	NGUYỄN VĂN CỬA	7.900
			NGUYỄN VĂN CỬA	ĐÌNH HOÀ	11.000
			ĐÌNH HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	9.900
83	85	TUỶ LÝ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
84	86	UÙ LONG	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
85	87	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
86	88	VĨNH NAM	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
87	89	VÕ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		5.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ HUYỆN HÓC MÔN

(Ban hành kèm Quyết định số: 03 /2010/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I/ ĐIỀU CHỈNH GIÁ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT THEO QĐ 102	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
			TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5	6
1	15	DƯỜNG CÔNG KHI (ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN HIỆP - TÂN THỚI NHÌ - XUÂN THỐI THƯỢNG - MINH LỘC)	NGÃ 3 ÔNG TRÁC	HƯỚNG LỘ 60	660
			TỈNH LỘ 14	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	400
2	17	ĐẠNG THỨC VỊNH	NGÃ 3 CHÙA	NGÃ 4 THỐI TỨ	880
3	19	ĐÔNG TÂM	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUỐC LỘ 22	660
4	20	ĐƯỜNG 02 - ÁP MỚI 2	TÔ KÝ	MỸ HUÈ	400
5	44	LIÊN ÁP 1-4 XÃ XUÂN THỐI THƯỢNG	PHAN VĂN HÓN	DƯỜNG CÔNG KHI	400

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ